

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2020

V/v: "Ly hôn, nuôi con"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Duy Cừ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2020 về "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

Chị Trương Thị L kết hôn với anh Trần Đình T ngày 18 tháng 7 năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng diễn ra bình thường, đến cuối năm 2003 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do anh Trần Đình T không có việc làm ổn định, ngoài ra anh T thường xuyên chơi bài bạc khiến kinh tế ngày càng suy giảm, một mình chị phải bươn chải nuôi con ăn học, lo cuộc sống gia đình và trả nợ. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình T.

Về con chung:

Vợ chồng có một con chung cháu Trần Anh Q, sinh ngày 14/11/2003, chị Trương Thị L có nguyện vọng nuôi con Trần Anh Q, không yêu cầu anh Trần Đình T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai hồi 10 giờ 00 phút ngày 29/4/2020 bị đơn, Anh Trần Đình T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh T thừa nhận thỉnh thoảng có đánh bài bạc dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên chị Trương Thị L bỏ về lên nhà chị ruột sống từ năm 2019 đến nay. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh mong muốn được đoàn tụ. Trường hợp nếu chị L vẫn kiên quyết ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như chị L trình bày. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai hồi 10 giờ 00 phút ngày 29/4/2020, bị đơn anh Trần Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; vợ chồng không có nợ chung.

Vì sức khỏe và công việc, anh Trần Đình T đề nghị không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật, không đến làm việc theo giấy tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trần Đình T.

Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận nội dung khởi kiện về nuôi con chung của chị Trương Thị L. Giao cháu Trần Anh Q cho chị Trương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Đình T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung.

Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn chị Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trương Thị L khởi kiện xin ly hôn với Anh Trần Đình T (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh), Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn cố tình không chấp hành quy định của pháp luật, không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai hồi 10 giờ 00 phút ngày 29/4/2020 tại nhà bị đơn anh Trần Đình T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Đình T.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Trương Thị L và anh Trần Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T không có công việc ổn định, thường xuyên đánh bài nên kinh tế gia đình ngày càng khó khăn và hai người đã sống ly thân từ 2019 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống chung giữa vợ chồng chị L và anh T không còn tồn tại, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Trương Thị L ly hôn với anh Trần Đình T theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung:

Vợ chồng có một con chung cháu Trần Anh Q, sinh ngày 14/11/2003, cả chị Trương Thị L và anh Trần Đình T đều có nguyện vọng nuôi con chung và các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, nhận định về điều kiện nuôi con: Theo xác minh của Tòa án, chị Trương Thị L làm nghề kinh doanh, buôn bán cá trên các chợ thuộc địa bàn thành phố Hà Tĩnh, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng, hiện nay chị đang sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn K, xã T, thành phố H; anh Trần Đình T trước đây làm nghề đánh cá, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng và hiện nay bị tai nạn gãy chân, đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh tại thôn K, xã T, thành phố Hà Tĩnh. Hiện tại anh không có thu nhập.

Cháu Trần Anh Q cũng có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó cần giao cháu Trần Anh Q cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của các con, phù hợp quy định tại các điều 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Trương Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Anh Q, sinh ngày 14/11/2003 cho chị Trương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh Trần Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001403 ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPH;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Hưng;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Minh Thư